

Bản án số: 68/2017/HS-PT

Ngày: 19 – 12 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các thẩm phán: 1- Thái Rết.

2- Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/12/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/HSPT ngày 08/11/2017 đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và bị hại Mai Kim U đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Trần Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1991; Cư trú tại: ấp A, xã A3, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm rẫy; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Trần Văn T (sống) và bà Nguyễn Thị L (sống); Bị cáo có vợ là Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1993; Bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017); Anh chị em ruột có 02 người, (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại có kháng cáo: Bà Mai Kim U, sinh năm: 1961. Trú tại: ấp A, xã A 3, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại phiên tòa).

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người làm chứng Trần Thị Quyền M, Cô Ngọc U, Lương Thị H, Trần Thị Đ, Lâm Thị Lệ H, Mai Thị Ngọc H, Trần Văn T, Bùi Thanh V, Phạm Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là con rể của bà Mai Kim U hàng ngày vợ chồng T ở chung nhà với bà U nên Trần Văn T biết rõ nơi bà U cất giấu vàng từ đó nảy sinh ý định trộm vàng của bà U bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng

01/2017 đến tháng 3/2017 âm lịch, Trần Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm vàng của bà Mai Kim U tổng cộng là 24 chỉ vàng 24K, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 01/2017 âm lịch (Không nhớ cụ thể ngày) lợi dụng lúc không có ai ở nhà, T lấy dao trong nhà (Loại dao bằng kim loại, dài 38cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm). T đến chỗ bà U chôn vàng đào đất lên và lấy cái bọc đựng vàng, T lấy 01 chiếc nhẫn vàng 24k có trọng lượng là 01 chỉ đem bán ở tiệm vàng U chợ R, xã A3, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được 3.300.000 đồng số tiền này Trần Văn T đã tiêu xài hết.

- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất 04 ngày Trần Văn T đã thực hiện hành vi như lần thứ nhất và T lấy 02 chiếc nhẫn vàng 24K, mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ, một chiếc T đem bán ở tiệm vàng U với số tiền 6.300.000 đồng, một chiếc bán ở tiệm vàng M (Chợ R) với số tiền là 6.280.000 đồng, T đã dùng 4.000.000 đồng để trả cho Phạm Văn U, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ ba: Cách lần thứ hai 04 ngày T thực hiện hành vi như những lần trước Trần Văn T lấy 02 chiếc nhẫn vàng 24K, mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ, một chiếc T bán ở tiệm vàng U được 6.300.000 đồng, một chiếc T bán ở tiệm vàng M được số tiền là 6.280.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết.

- Lần thứ tư: Cách lần thứ ba 04 ngày T thực hiện hành vi như các lần trước và lấy một chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 01 chỉ bán ở tiệm vàng U được 3.200.000 đồng, T trả cho Lương Thị H ngụ ấp N, xã A 3, huyện C 500.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài hết.

- Lần thứ năm: Cách lần thứ tư 04 ngày T thực hiện hành vi như các lần trước T lấy 02 chiếc nhẫn vàng 24K, mỗi chiếc trọng lượng 01 chỉ, bán ở tiệm vàng U được 6.200.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết.

- Lần thứ sáu: Cách lần thứ năm 04 ngày T thực hiện hành vi như các lần trước và lấy 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 02 chỉ bán ở tiệm vàng U được 6.400.000 đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ bảy: Cách lần thứ sáu 04 ngày T thực hiện hành vi như các lần trước và lấy 01 tấm lắc vàng 24K có trọng lượng 05 chỉ và bán ở tiệm vàng T ở thị trấn C, huyện C được 15.000.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ tám: Cách lần thứ bảy 04 ngày T thực hiện hành vi như các lần trước và lấy 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 24K có trọng lượng 05 chỉ bán ở tiệm vàng T ở thị trấn C được 13.400.000 đồng. Sau khi lấy xong chiếc vòng đeo tay, Trần Văn T đã lấy miếng giấy và cái bọc dùng để gói vàng, T bỏ dưới cổng cách nhà khoảng 500m, còn cây dao T cất giữ ở nhà.

Đến ngày 05/4/2017 bà Mai Kim U kiểm tra và phát hiện số vàng bà giấu dưới nền đất bị mất nên trình báo Công an xã A3, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để giải

quyết. Sau đó được chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Qua quá trình điều tra Trần Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số: 10/2017/KL.HĐĐG, ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận tổng giá trị tài sản bà Mai Kim U bị Trần Văn T trộm cắp là 80.505.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, quyết định:

- Tuyên bố bị cáo: Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, điểm o, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án;

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại.

Ngày 04/10/2017 bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 04/10/2017 bị hại Mai Kim U kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Tại phiên tòa người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo vì bị hại kháng cáo giảm án cho bị cáo và giảm cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Về án kháng cáo xin hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo và người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo, người bị hại nộp trực tiếp cho Tòa án huyện C vào ngày 04/10/2017 theo quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Nên đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại là hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy bị cáo từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017 âm lịch, tại nhà của bà Mai Kim U là mẹ vợ của bị cáo Trần Văn T sống chung một nhà tại ấp A, xã A3, huyện C, bị cáo đã 08 lần trộm vàng của bà Mai Kim U tổng cộng là 24 chỉ vàng 24K với số tiền sau khi định giá là 80.505.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm xét xử tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại về xin giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy, Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo Trần Văn T là người chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, bị cáo đã tự thú về những lần trộm cắp tài sản của bà U, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội Trần Hoàng P và bà nội là Lâm Thị B là người có công với nước, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, điểm o, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và người bị hại không đưa ra thêm được chứng cứ nào mới để hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự vì bị hại có đơn kháng cáo xin giảm án. Xét thấy, tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bị hại.

[4]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và người bị hại. Xét thấy, bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị Quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận sự đề nghị của kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo và của bị hại.

[6]. Án phí Hình sự phúc thẩm bị cáo và bị hại phải chịu theo qui định của pháp luật vì đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại không được chấp nhận.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và bị hại Mai Kim U.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, điểm o, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Tuyên Xử: Xử phạt bị cáo Trần Văn T: 02 năm 06 tháng tù (Hai năm sáu tháng tù) về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt đi chấp hành án.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo và bị hại mỗi người phải nộp là 200.000 đồng.

[3] Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện C (2 bản);
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS C;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Ngô